

b) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 37 như sau:

“đ) Thực hiện thanh tra, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao;”;

c) Bổ sung điểm đ1 vào sau điểm đ khoản 1 Điều 37 như sau:

“đ1) Hướng dẫn thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc theo đề nghị của bộ, ngành, địa phương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao;”;

d) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 37 như sau:

“c) Bộ Công an báo cáo tình hình áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo nội dung quy định tại các điểm a, c, d, đ, e, g, g1, h, i và k khoản 3 Điều 35 của Nghị định này;”;

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 37 như sau:

“5. Các bộ, cơ quan ngang bộ phân công tổ chức pháp chế hoặc đơn vị phù hợp chủ trì giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý, thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này và các nhiệm vụ khác, bảo đảm phù hợp chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng đơn vị.”.

15. Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 41 như sau:

“4a. Việc ghi nội dung biểu mẫu trong xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp đối tượng vi phạm là hộ gia đình, hộ kinh doanh, cộng đồng dân cư được thực hiện như sau:

a) Thông tin của hộ gia đình, hộ kinh doanh, cộng đồng dân cư được ghi tại phần thông tin của tổ chức;

b) Tại mục ghi “tên của tổ chức”, ghi rõ cụm từ “hộ gia đình” gắn với tên chủ hộ gia đình đối với đối tượng là hộ gia đình, ghi rõ tên của hộ kinh doanh theo quy định của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp đối với đối tượng là hộ kinh doanh, ghi rõ cụm từ “cộng đồng dân cư” gắn với địa chỉ đối với đối tượng là cộng đồng dân cư;

c) Tại mục ghi “mã số doanh nghiệp”, ghi mã số hộ kinh doanh đối với đối tượng vi phạm là hộ kinh doanh, gạch chéo đối với đối tượng là hộ gia đình và cộng đồng dân cư;

d) Tại mục ghi “số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc giấy phép thành lập/đăng ký hoạt động”, ghi “số giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh” đối với đối tượng vi phạm là hộ kinh doanh, gạch chéo đối với đối tượng là hộ gia đình và cộng đồng dân cư;

đ) Tại mục ghi “người đại diện theo pháp luật”, ghi rõ họ và tên chủ hộ gia đình đối với hộ gia đình, ghi rõ họ và tên chủ hộ kinh doanh đối với đối tượng hộ kinh doanh, ghi rõ họ và tên người đại diện cho cộng đồng dân cư là trưởng thôn, làng, ấp, bản, bon, buôn, phum, sóc, tổ dân phố và điểm dân cư tương tự hoặc người được cộng đồng dân cư thỏa thuận cử ra đối với đối tượng là cộng đồng dân cư.”.

16. Bổ sung khoản 4b vào sau khoản 4a Điều 41 như sau:

“4b. Việc ghi nội dung biểu mẫu trong xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp đối tượng vi phạm là tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của pháp nhân, tổ chức được thực hiện như sau:

a) Thông tin của tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được ghi tại phần thông tin của tổ chức;

b) Tại mục ghi “tên của tổ chức”, ghi rõ tên của tổ hợp tác theo quy định của Chính phủ về tổ hợp tác với đối tượng là tổ hợp tác, ghi rõ tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo quy định pháp luật về doanh nghiệp đối với đối tượng là chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;

c) Tại mục ghi “mã số doanh nghiệp”, ghi mã số tổ hợp tác đối với đối tượng vi phạm là tổ hợp tác, ghi mã số chi nhánh đối với đối tượng vi phạm là chi nhánh, ghi mã số văn phòng đại diện đối với đối tượng vi phạm là văn phòng đại diện, ghi mã số địa điểm kinh doanh đối với đối tượng vi phạm là địa điểm kinh doanh;

d) Tại mục ghi “người đại diện theo pháp luật”, ghi họ và tên người đại diện theo ủy quyền của các thành viên tổ hợp tác đối với đối tượng là tổ hợp tác, ghi họ và tên của người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đối với đối tượng là chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.”.

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, khoản thuộc điều và biểu mẫu của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính

1. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số cụm từ tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP như sau:

a) Bổ sung 02 từ “vụ” vào trước 02 từ “buu chính” tại điểm c khoản 2 Điều 20 của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP;

b) Bãi bỏ cụm từ “và trật tự, an toàn xã hội” tại điểm c khoản 3 Điều 5 của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP;

c) Bãi bỏ các cụm từ “ma túy,” và “vật thuộc loại cấm tàng trữ, cấm lưu hành,” tại khoản 6 Điều 5 của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP;

d) Bổ sung từ “xử lý” vào trước cụm từ “vi phạm hành chính” thứ hai tại khoản 5 Điều 31 của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP;

đ) Bãi bỏ cụm từ “, Bảo hiểm xã hội Việt Nam” tại các khoản 2 và 3 Điều 31, khoản 1 Điều 33, điểm c khoản 1 Điều 36, tên Điều 37, tên khoản 1 Điều 37, điểm e khoản 1 Điều 37 và tên khoản 2 Điều 37 của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP;

e) Bổ sung cụm từ “hoặc theo kế hoạch” vào sau cụm từ “quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức” tại khoản 1 Điều 32 của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP;

g) Bãi bỏ cụm từ “Bảo hiểm xã hội Việt Nam,” tại điểm a khoản 2 Điều 37 của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP;

h) Thay thế cụm từ “các khoản 1, 2, và 5 Điều 37” bằng cụm từ “khoản 1, các điểm a và d khoản 2, khoản 5 Điều 37” tại khoản 1 Điều 38 của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.

2. Bãi bỏ khoản 3 Điều 15, khoản 4 Điều 17 và điểm b khoản 2 Điều 37 của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.

3. Thay thế các mẫu quyết định số 01, mẫu quyết định số 02, mẫu quyết định số 11, mẫu quyết định số 38, mẫu quyết định số 39, mẫu quyết định số 40, mẫu biên bản số 01, mẫu biên bản số 05 và mẫu biên bản số 27 tại “Phụ lục một số biểu mẫu trong xử phạt vi phạm hành chính” ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP bằng lần lượt các mẫu quyết định số 01, mẫu quyết định số 02, mẫu quyết định số 11, mẫu quyết định số 38, mẫu quyết định số 39, mẫu quyết định số 40, mẫu biên bản số 01, mẫu biên bản số 05 và mẫu biên bản số 27 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 02 tháng 5 năm 2025.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

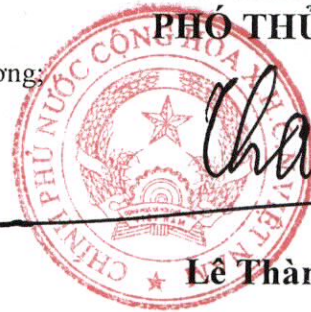
1. Bộ trưởng Bộ Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, PL (2b). 100

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Lê Thành Long



Phụ lục

*(Kèm theo Nghị định số 68/2025/NĐ-CP
ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ)*

STT	Nội dung
MQĐ01	Quyết định xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản
MQĐ02	Quyết định xử phạt vi phạm hành chính
MQĐ11	Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả
MQĐ38	Quyết định sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính
MQĐ39	Quyết định đình chỉ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính
MQĐ40	Quyết định hủy bỏ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính
MBB01	Biên bản vi phạm hành chính
MBB05	Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính
MBB27	Biên bản mở niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo thủ tục hành chính

CƠ QUAN ⁽¹⁾CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-XP HC

(2), ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản*****THẨM QUYỀN BAN HÀNH ⁽³⁾***Căn cứ Điều 56, <Điều 63> ^(*) Điều 69 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);**Căn cứ ⁽⁴⁾**Căn cứ ⁽⁵⁾**Căn cứ Quyết định số: /QĐ-GQXP ngày /.... /..... về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính (nếu có).***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.**1. Xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục không lập biên bản đối với <ông (bà)/tổ chức> ^(**) có tên sau đây:<Họ và tên> ^(**): Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh: / / Quốc tịch:

Nghề nghiệp:

Nơi ở hiện tại:

Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu: ;
ngày cấp: / / ; nơi cấp:<Tên của tổ chức> ^(**):

Địa chỉ trụ sở chính:

Mã số doanh nghiệp:

Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/dăng ký hoạt động:

..... ; ngày cấp: / / ; nơi cấp:

Người đại diện theo pháp luật: ⁽⁶⁾ Giới tính:Chức danh: ⁽⁷⁾2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: ⁽⁸⁾3. Quy định tại: ⁽⁹⁾

4. Địa điểm xảy ra vi phạm:

.....
.....
.....

5. Các tình tiết liên quan đến việc giải quyết vi phạm (nếu có):

Điều 2. Các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng:

1. Hình thức xử phạt chính: ⁽¹⁰⁾

Mức tiền phạt: ⁽¹¹⁾

(Bằng chữ:)

2. Hình thức xử phạt bổ sung (nếu có): ⁽¹²⁾

3. Biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có):

a) Biện pháp: ⁽¹³⁾

b) Thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả là ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Quyết định này được:

1. Giao cho ông (bà) ⁽¹⁴⁾ là <cá nhân/ người đại diện theo pháp luật của tổ chức>^(**) bị xử phạt có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

<Ông (bà)/Tổ chức>^(**) có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà <ông (bà)/tổ chức>^(**) ⁽¹⁵⁾ không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật và cứ mỗi ngày chậm nộp tiền phạt thì cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp thêm 0,05% tính trên tổng số tiền phạt chưa nộp.

a) Trong trường hợp bị xử phạt tiền, <ông (bà)/tổ chức>^(**) có tên tại Điều 1 nộp tiền phạt tại chỗ cho người đã ra quyết định xử phạt.

Trường hợp không nộp tiền phạt tại chỗ, thì <ông (bà)/tổ chức>^(**) có tên tại Điều 1 phải nộp tiền phạt tại Kho bạc Nhà nước ⁽¹⁶⁾ hoặc nộp tiền phạt vào ngân hàng thương mại nơi Kho bạc Nhà nước ⁽¹⁶⁾ mở tài khoản:⁽¹⁷⁾ theo thông tin nộp ngân sách nhà nước nhà nước như sau:

Tài khoản: Tài khoản thu NSNN; Mã cơ quan ra quyết định xử phạt ⁽¹⁸⁾ ; Mã chương⁽¹⁹⁾ ; Mã nội dung kinh tế (mã tiểu mục)⁽¹⁹⁾ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

b) <Ông (bà)/Tổ chức>^(**) bị xử phạt có tên tại Điều 1 bị tạm giữ ⁽²⁰⁾ để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt.

c) <Ông (bà)/Tổ chức>^(**) ⁽¹⁵⁾ có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho ⁽¹⁶⁾ để thu tiền phạt.

3. Gửi cho ⁽²¹⁾ để tổ chức thực hiện.

4. Gửi cho ⁽²²⁾ để biết và phối hợp thực hiện.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

- Lưu: Hồ sơ.

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ ⁽²³⁾

(Ký, đóng dấu (nếu có); ghi rõ họ và tên)

<In ở mặt sau>(***) Quyết định đã giao trực tiếp cho <cá nhân/người đại diện của tổ chức>(**) bị xử phạt vào hồi giờ phút, ngày/....../.....

NGƯỜI NHẬN QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ và tên)

* Mẫu này được sử dụng để ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục không lập biên bản.

(*) Áp dụng đối với trường hợp chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt hành chính.

(**) Lưu ý lựa chọn và ghi thông tin cho phù hợp với thực tế của vụ việc.

(***) Áp dụng đối với trường hợp quyết định được giao trực tiếp cho cá nhân/người đại diện của tổ chức bị xử phạt.

(1) Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo hướng dẫn về thể thức của Chính phủ.

(2) Ghi địa danh theo hướng dẫn về thể thức của Chính phủ.

(3) Ghi chức danh và tên cơ quan của người ra quyết định.

(4) Ghi đầy đủ tên loại văn bản; số, ký hiệu văn bản; ngày, tháng, năm, ban hành văn bản; tên cơ quan ban hành và tên gọi văn bản (tên của nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cụ thể).

(5) Ghi cụ thể theo từng trường hợp:

- Nếu quyết định xử phạt vi phạm hành chính có áp dụng hình thức xử phạt trực xuất thì ghi tên nghị định của Chính phủ quy định hình thức xử phạt trực xuất, biện pháp tạm giữ người, áp giải người vi phạm theo thủ tục hành chính và quản lý người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam trong thời gian làm thủ tục trực xuất.

- Nếu chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì ghi căn cứ hồ sơ của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền.

- Căn cứ khác (nếu có): Ghi đầy đủ tên loại văn bản; số, ký hiệu văn bản; ngày, tháng, năm, ban hành văn bản; tên cơ quan ban hành và tên gọi văn bản.

(6) Ghi họ và tên của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

(7) Ghi chức danh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

(8) Mô tả cụ thể hành vi vi phạm.

(9) Ghi cụ thể điểm, khoản, điều của nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cụ thể.

(10) Ghi cụ thể hình thức xử phạt chính được áp dụng theo từng trường hợp.

(11) Ghi cụ thể mức tiền phạt (bằng số và bằng chữ) trong trường hợp phạt tiền.

(12) Ghi cụ thể hình thức xử phạt bổ sung được áp dụng theo từng trường hợp:

- Trường hợp tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn thì ghi rõ thời hạn, thời điểm tước hoặc đình chỉ.

- Trường hợp tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thì ghi rõ: Tên tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, đơn vị tính, số lượng, chủng loại, tình trạng, chất lượng hoặc số tiền (ghi cụ thể bằng số và bằng chữ) tương đương với trị giá tang vật, phương tiện vi phạm bị tạm giữ do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tịch thu, nếu có biên bản kèm theo thì phải ghi rõ; thời hạn thực hiện (tính từ ngày cá nhân/tổ chức vi phạm nhận được quyết định).

- Trường hợp trực xuất thì ghi rõ thời điểm thi hành quyết định, nơi bị trực xuất đến, cửa khẩu thi hành quyết định, nơi ở bắt buộc của người nước ngoài trong thời gian làm thủ tục trực xuất.

(13) Ghi cụ thể các biện pháp khắc phục hậu quả mà cá nhân/tổ chức bị xử phạt phải thực hiện.

(14) Ghi họ và tên của cá nhân/người đại diện của tổ chức bị xử phạt.

(15) Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức bị xử phạt.

(16) Ghi tên Kho bạc nhà nước nhận khoản thu phạt.

(17) Ghi tên Ngân hàng thương mại được Kho bạc nhà nước ủy nhiệm thu tiền phạt.

(18) Ghi theo quy định tại Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 22/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương.

(19) Ghi Mục lục ngân sách theo quy định của Bộ Tài chính.

(20) Ghi cụ thể theo từng trường hợp: Tên của một trong các loại giấy tờ/tên, chủng loại của tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo quy định tại khoản 6 Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

(21) Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức có trách nhiệm chủ trì tổ chức thi hành quyết định.

(22) Ghi họ và tên của cá nhân/tên của cơ quan, tổ chức có liên quan theo từng trường hợp:

- Trường hợp xử phạt cảnh cáo đối với người chưa thành niên theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) thì ghi họ và tên của cha/mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên.

- Trường hợp xử phạt trực xuất đối với người nước ngoài thì ghi: (i) Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; (ii) Tên của cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện ngoại giao của nước mà người bị trực xuất là công dân hoặc nước mà người đó cư trú cuối cùng trước khi đến Việt Nam; (iii) Tên của cơ quan Công an quản lý người nước ngoài bị trực xuất.

(23) Ghi chức vụ của người ký. Trường hợp cấp phó được giao quyền xử phạt vi phạm hành chính ký quyết định thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước chức vụ của người có thẩm quyền ra quyết định.